

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ 06 tháng đầu năm 2026

I. Tình hình thực hiện nhiệm vụ ngân sách 06 tháng đầu năm 2026

1. Thu ngân sách nhà nước:

Tổng thu NSNN trên địa bàn thực hiện 06 tháng đầu năm 2026 là 28.053 tỷ đồng đạt 74,6% dự toán và tăng 82,3% so với cùng kỳ. Cụ thể:

1.1. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: Lũy kế thực hiện 1.216 tỷ đồng, đạt 80,2% dự toán và tăng 36,5% so với cùng kỳ.

1.2. Thu nội địa: Lũy kế thực hiện 26.838 tỷ đồng, đạt 74,3% dự toán và tăng 85,1% so với cùng kỳ. Nếu loại trừ thu tiền sử dụng đất, thu nội địa là 15.554 tỷ đồng, đạt 61,5% dự toán và tăng 22,6% so với cùng kỳ.

a) Đối với nhóm thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, thương mại, dịch vụ và du lịch: Lũy kế thực hiện 10.582 tỷ đồng, đạt 58,7% dự toán và tăng 98,7% so với cùng kỳ.

Cụ thể từng khoản thu như sau:

- Thu từ DNNN Trung ương: lũy kế thực hiện 861 tỷ đồng, đạt 55,9% dự toán và bằng 97,3% so với cùng kỳ.

- Thu từ DNNN địa phương: lũy kế thực hiện 2.094 tỷ đồng, đạt 52,4% dự toán và tăng 5,7% so với cùng kỳ; trong đó:

+ Tổng công ty Khánh Việt: lũy kế thực hiện 1.782,6 tỷ đồng, đạt 48,8% dự toán và tăng 1,9% so với cùng kỳ.

+ Công ty TNHH MTV Yến Sào Khánh Hòa: lũy kế thực hiện 144,1 tỷ đồng, đạt 55,4% dự toán và tăng 1,1% so với cùng kỳ.

+ Các doanh nghiệp nhà nước địa phương còn lại: thực hiện 167,3 tỷ đồng, đạt 44,1% dự toán và gấp 2,6 lần so với cùng kỳ.

- Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài: lũy kế thực hiện 1.155 tỷ đồng, đạt 64,2% dự toán và tăng 71,9% so với cùng kỳ.

- Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh: lũy kế thực hiện 4.690 tỷ đồng, đạt 64,9% dự toán và bằng 90,2% so với cùng kỳ.

- Thuế thu nhập cá nhân: lũy kế thực hiện 1.094 tỷ đồng, đạt 53,4% dự toán và bằng 90,4% so với cùng kỳ.

- Thu xổ số kiến thiết: lũy kế thực hiện 360 tỷ đồng, đạt 79,9% dự toán và tăng 16,1% so cùng kỳ. Trong đó, Công ty Xổ số Kiến thiết Khánh Hòa thực hiện nộp 267,3 tỷ đồng và Công ty Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận là 63,4 tỷ đồng.

- Thuế bảo vệ môi trường: lũy kế thực hiện 327 tỷ đồng, đạt 33,6% dự toán và bằng 70,4% so cùng kỳ.

b) Các khoản thu từ nhà và đất: lũy kế thực hiện 14.891 tỷ đồng, đạt 97,2% dự toán và tăng gấp 6,6 lần so với cùng kỳ.

Cụ thể từng khoản thu như sau:

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: lũy kế thực hiện là 13 tỷ đồng, đạt 39,2% dự toán và bằng 40,3% so với cùng kỳ.

- Thu tiền sử dụng đất: lũy kế thực hiện là 11.284 tỷ đồng, vượt 4,5% dự toán và tăng gấp 6,2 lần so với cùng kỳ.

- Thu tiền thuê đất, mặt nước: lũy kế thực hiện là 3.587 tỷ đồng, đạt 81,5% dự toán và tăng gấp 14 lần so với cùng kỳ.

c) Các khoản phí và thu khác: thực hiện 1.316 tỷ đồng, đạt 55% dự toán và tăng 6,3% so với cùng kỳ.

Cụ thể từng khoản thu như sau:

- Lệ phí trước bạ: lũy kế thực hiện là 380 tỷ đồng, đạt 45,8% dự toán và tăng 7,1% so với cùng kỳ.

- Thu phí, lệ phí: lũy kế thực hiện là 279 tỷ đồng, đạt 44,3% dự toán và bằng 83,1% so với cùng kỳ.

- Thu khác ngân sách: lũy kế thực hiện là 592 tỷ đồng, đạt 73,1% dự toán và tăng 24,2% so với cùng kỳ.

- Thu cấp quyền khai thác khoáng sản: lũy kế thực hiện là 63 tỷ đồng, đạt 52,6% dự toán và tăng 90,6% so với cùng kỳ.

d) Thu hồi vốn, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của NHNN: Lũy kế thực hiện là 48,8 tỷ đồng, đạt 13,6% dự toán và bằng 16,3% so với cùng kỳ.

2. Chi ngân sách địa phương:

Tổng chi ngân sách địa phương 06 tháng đầu năm 2026 là 31.971 tỷ đồng, đạt 88% dự toán. Trong đó:

a) Chi đầu tư phát triển thực hiện 14.560 tỷ đồng, đạt 94,5% dự toán.

b) Chi thường xuyên thực hiện 7.675 tỷ đồng, đạt 41,7% so với dự toán.

(Số liệu thu NSNN và chi NSDP đính kèm)

Sở Tài chính báo cáo./

Nơi nhận:

- Công thông tin điện tử tỉnh Khánh Hòa
- Lưu: VT, KTNS, Lôi.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Bui Thị Khánh Vân

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ II NĂM 2026

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC THỰC HIỆN LŨY KẾ ĐẾN QUÝ II SO (%)	
			QUÝ II	LŨY KẾ ĐẾN QUÝ II	DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM 2025
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	37.625.000	46.866.165	70.122.222	186,4	153,1
1	Thu cân đối NSNN	37.625.000	13.444.947	28.056.308	74,6	182,0
1	Thu nội địa	36.110.000	12.811.996	26.837.627	74,3	185,1
2	Thu từ dầu thô	0	0	0		
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	1.515.000	630.915	1.215.733	80,2	136,5
4	Thu viện trợ	0	2.036	2.948		10,1
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		30.542.440	31.418.274		181,0
III	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		3.052.990	10.641.287		82,8
IV	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		-174.212	6.353		3,7
V	Nguồn tăng thu					
VI	Nguồn tiết kiệm chi					
VII	Nguồn cải cách tiền lương					
B	TỔNG CHI NSDP	36.319.842	10.245.731	22.487.604	61,9	80,8
I	Chi cân đối NSDP	36.319.842	10.245.731	22.487.604	61,9	118,9
1	Chi đầu tư phát triển	15.411.945	5.819.838	14.559.988	94,5	161,1
2	Chi thường xuyên	18.402.174	4.177.017	7.675.280	41,7	77,9
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	92.200	11.756	15.216	16,5	64,9
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.170	0	0		
5	Dự phòng ngân sách	838.000	0	0		
6	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương	1.573.353	0	0		
7	Các nhiệm vụ chi khác		237.120	237.120		
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	0	0	0		0,0
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	1.305.158	36.620.434	47.634.618	3.649,7	264,9
D	CHI TRẢ NỢ GỐC		23.260	23.679		33,9

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ II NĂM 2026

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC THỰC HIỆN LŨY KẾ ĐẾN QUÝ II SO (%)	
			QUÝ II	LŨY KẾ ĐẾN QUÝ II	DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM 2025
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	37.625.000	13.444.947	28.056.308	74,6	182,3
I	Thu nội địa	36.110.000	12.811.996	26.837.627	74,3	185,1
1	Thu từ khu vực DNNN	5.542.000	1.459.765	2.955.404	53,3	103,1
-	Thu từ khu vực DNNN trung ương	1.542.000	399.721	861.398	55,9	97,3
-	Thu từ khu vực DNNN địa phương	4.000.000	1.060.044	2.094.006	52,4	105,7
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.800.000	579.912	1.155.330	64,2	171,9
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	7.222.000	2.263.131	4.690.180	64,9	90,2
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.050.000	373.360	1.093.966	53,4	90,4
5	Thuế bảo vệ môi trường	975.000	78.354	327.435	33,6	70,4
6	Lệ phí trước bạ	830.000	185.634	380.407	45,8	107,1
7	Thu phí, lệ phí	630.000	153.550	279.243	44,3	83,1
8	Các khoản thu về nhà, đất	15.298.600	7.114.237	14.884.612	97,3	668,0
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0	0	2		100,0
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	33.600	10.934	13.182	39,2	140,3
-	Thu tiền sử dụng đất	10.800.000	5.362.545	11.283.514	104,5	621,4
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	4.400.000	1.740.078	3.587.198	81,5	1.453,5
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	65.000	680	716	1,1	0,5
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và khu vực biển	120.400	55.812	64.273	53,4	91,8
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	360.000	6.411	48.811	13,6	16,3
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	450.000	119.316	359.748	79,9	116,1
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	22.000	4.877	6.492	29,5	54,0
13	Thu khác ngân sách	810.000	417.637	591.726	73,1	124,2
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	1.515.000	630.915	1.215.733	80,2	136,5
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	1.230.900	460.858	898.564	73,0	124,0
2	Thuế xuất khẩu, nhập khẩu, TTĐB	227.700	96.325	228.301	100,3	170,5
-	Thuế xuất khẩu		8.383	20.471		98,7
-	Thuế nhập khẩu		88.271	116.808		103,3
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu		-329	91.022		
3	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	47.500	17.907	31.521	66,4	116,8
4	Thuế chống bán phá giá		54.123	54.146		
5	Thu khác	8.900	1.704	3.203	36,0	62,1
IV	Thu viện trợ		2.036	2.948		
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	32.753.600	11.333.192	23.938.634	73,1	182,4
1	Từ các khoản thu phân chia	29.925.990	10.664.435	22.530.792	75,3	198,9
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	2.827.610	668.757	1.407.842	49,8	78,5

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ II NĂM 2026

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC THỰC HIỆN LŨY KẾ ĐẾN QUÝ II SO (%)	
			QUÝ II	LŨY KẾ ĐẾN QUÝ II	DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM 2025
	TỔNG CHI NSDP	36.319.847	10.245.731	22.487.604	61,9	80,8
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	36.319.847	10.245.731	22.487.604	61,9	118,9
I	Chi đầu tư phát triển	15.411.945	5.819.838	14.559.988	94,5	161,1
1	Chi đầu tư cho các dự án	15.411.945	5.509.838	13.686.238	88,8	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	0	0	300.000		
3	Chi đầu tư phát triển khác	0	310.000	573.750		
II	Chi thường xuyên	18.402.174	4.177.017	7.675.280	41,7	77,9
	Trong đó:					
1	Chi quốc phòng	655.906	269.041	387.342		
2	Chi an ninh trật tự	239.346	70.133	114.837		
3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	7.319.751	1.563.260	2.978.978	40,7	
4	Chi khoa học và công nghệ	204.030	45.227	67.570	33,1	
5	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	2.119.540	429.095	743.416	35,1	
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	228.735	44.755	88.301	38,6	
7	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	130.257	42.534	49.188	37,8	
8	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	120.774	27.865	41.904	34,7	
9	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	458.129	71.704	89.085	19,4	
10	Chi sự nghiệp kinh tế	1.537.963	533.962	675.179	43,9	
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	3.156.757	626.423	1.579.146	50,0	
12	Chi bảo đảm xã hội	2.139.484	433.263	837.398	39,1	
13	Chi ngân sách khác	91.502	19.755	22.936	25,1	
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	92.200	11.756	15.216	16,5	64,9
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.170	0	0	0,0	
V	Dự phòng ngân sách	838.005	0	0	0,0	
VI	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	1.573.353	0	0	0,0	
VII	Các nhiệm vụ chi khác		237.120	237.120		
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	0	0	0		0,0
1	Chương trình mục tiêu quốc gia					
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư					
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên					